

Bản án số: 14/2024/DS - ST  
Ngày: 26 - 4 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Ích.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-TCDS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST – TCDS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST – TCDS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa:

\* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trạch H - Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Chị Trần Thị N - Sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

\* **Bị đơn:** Chị Trần Thị H1 - Sinh năm 1985;

Anh Trần Văn G - Sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh H, chị N; vắng mặt chị H1, anh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Trạch H trình bày: Vợ chồng anh và vợ chồng

anh Trần Văn G chị Trần Thị H1 có quan hệ bạn bè thân thiết với nhau, nên khi vợ chồng anh G chị H1 có hỏi vợ chồng anh vay tiền bảo để làm ăn vợ chồng anh có bàn bạc và thống nhất trong thời gian từ ngày 10/8/2022 đến ngày 20/8/2022 cho vợ chồng chị H1, anh G vay số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) khi cho vay vợ chồng anh đã giao tiền bằng hình thức chuyển khoản, người chuyển là chị N, người nhận là chị H1. Đến ngày 18/9/2022 vợ chồng anh và vợ chồng anh G chị H1 mới viết hợp đồng vay tiền với nội dung vợ chồng anh G, chị H1 đã vay của vợ chồng tôi số tiền là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*, lãi suất là 1,66%/tháng. Thời gian giao tiền từ ngày 10/8/2022 đến ngày 20/8/2022. Hai bên không thoả thuận thời gian trả nợ trong hợp đồng mà chỉ thống nhất miệng là khi nào vợ chồng anh cần tiền sẽ báo cho vợ chồng chị H1, anh G trước một tháng thì vợ chồng chị H1 anh G sẽ phải thanh toán đầy đủ cho vợ chồng anh. Đến hạn trả lãi như thoả thuận thì chị H1 anh G xin khát. Do tình cảm vợ chồng anh cũng nhất trí để cho vợ chồng chị H1 nợ nhưng sau mấy tháng không thấy vợ chồng anh G chị H1 trả lãi vợ chồng anh có đòi nhưng vợ chồng anh G chị H1 vẫn không trả. Thấy vợ chồng anh G, chị H1 không trả lãi kể từ khi vay nên vợ chồng anh đã yêu cầu vợ chồng anh G chị H1 trả nợ gốc, vợ chồng anh G, chị H1 hứa trả nhưng không thực hiện. Từ tháng 10/2022, vợ chồng chị H1, anh G không trả cho vợ chồng anh một khoản tiền nào và chị H1 và anh G đã cắt đứt liên lạc với vợ chồng anh. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng buộc vợ chồng chị H1, anh G phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) và thanh toán tiền lãi là 1,5%/tháng thời gian tính lãi từ tháng 10/2022 đến hết tháng 03/2024 thời gian là 17 tháng tổng số tiền lãi là 306.000.000đ.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Trạch H. Số tiền cho chị chuyển khoản cho cho chị H1 anh G vay là tiền chung của vợ chồng chị. Nay chị có quan điểm nhất trí với quan điểm của anh H về việc giải quyết vụ án là buộc vợ chồng chị H1, anh G phải thanh toán số tiền gốc còn nợ vợ chồng chị là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) và thanh toán tiền lãi là 1,5%/tháng thời gian tính lãi từ tháng 10/2022 đến hết tháng 03/2024 thời gian là 17 tháng tổng số tiền lãi là 306.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã triệu tập anh G và chị H1 đến Tòa án để làm việc nhưng anh G và chị H1 không hợp tác. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tiến hành niêm yết đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án cũng như đăng công khai trên trên phương tiện thông tin đại chúng là B1, Đ và công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định

tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành, xác minh và làm việc với Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Anh Trần Văn G, sinh năm 1976 và chị Trần Thị H1, sinh năm 1985 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh G và chị H1 kết hôn với nhau vào ngày 18/02/2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G chị H1 sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh G là ông Trần Văn B, sinh năm 1956 tại Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Đến năm 2015 thì vợ chồng ông B đã tặng cho vợ chồng anh G chị H1 một thửa đất được tách ra từ thửa đất của vợ chồng ông B. Đến năm 2022 vợ chồng anh G chị H1 đã xây dựng căn nhà hai tầng mái bằng trên thửa đất đó. Năm 2023 UBND xã N đã tiếp nhận được nhiều đơn khởi kiện vợ chồng anh G chị H1 về việc vay tài sản. Đến tháng 11/2023 thì vợ chồng anh G chị H1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ đó cho đến nay. Do vậy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã cùng với UBND xã N niêm yết công khai đầy đủ các văn tố tụng của Tòa tại nhà ở anh G, chị H1, nhà văn hoá thôn A, trụ sở UBND xã. Mặt khác Tòa án đã đăng tin về quá trình giải quyết vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng hết thời hạn địa phương vẫn không thấy vợ chồng anh G chị H1 trở về.

Lời trình bày của ông Trần Văn B bố đẻ của anh G trong quá trình làm việc với Tòa án thể hiện: Anh G và chị H1 kết hôn với nhau vào ngày 18/02/2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G chị H1 sinh sống cùng với vợ chồng ông tại Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Đến năm 2015 thì vợ chồng ông đã tặng cho vợ chồng anh G chị H1 một thửa đất được tách ra từ thửa đất của vợ chồng ông. Đến năm 2022 vợ chồng anh G chị H1 đã xây dựng căn nhà hai tầng mái bằng trên thửa đất đó. Năm 2023 vợ chồng ông đi vắng đến khi về thì gặp vợ chồng anh H thông báo vợ chồng anh G có vay tiền của anh chị. Ông cùng mọi người đã nhiều lần gọi vợ chồng anh G về để giải quyết nhưng không được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- + Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- + Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trạch H và chị Trần Thị N, buộc bị đơn anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 phải thanh toán số tiền nợ là 1.200.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,5%/tháng tính từ tháng 10/2022 đến hết tháng 03/2024

Áp dụng Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: đề nghị Toà án tuyên án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Bị đơn anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 đăng kí hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay anh Nguyễn Trạch H và chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tiến hành niêm yết đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án cũng như đăng công khai trên trên phương tiện thông tin đại chúng là B1, Đ và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh G và chị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G và chị H1 là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 18 tháng 09 năm 2022 tại huyện N tỉnh Ninh Bình. Anh Nguyễn Trạch H và vợ chồng chị Trần Thị H1, anh Trần Văn G có ký kết “Hợp đồng vay tiền” với nội dung: bên cho vay Nguyễn Trạch H (bên A), bên vay Trần Văn G, Trần Thị H1 (bên B) sau khi thoả thuận và cùng nhau ký vào giấy vay tiền cùng các điều khoản 1/ Bên B (bên vay) tự nguyện vay của bên A (bên cho vay) số tiền là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), lãi suất là 1,66%/tháng. Thời gian giao tiền từ ngày 10/8/2022 đến ngày 20/8/2022, phương thức cho vay tiền mặt, hình thức thế chấp tài sản có giá trị pháp lý hoặc chứng minh nhân dân (căn cước công dân) và sổ hộ khẩu, kể từ thời điểm bên vay ký vào hợp đồng, bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên vay chuyển giao. 2/ cam kết: hai bên cam kết ký hợp đồng trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối và ép buộc. Bên vay cam kết sẽ thanh toán nợ gốc và lãi theo đúng nội dung đã thoả thuận nêu trên. Nếu sai bên vay hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẵn sàng phát mãi tài sản do bên vay làm chủ sở hữu để thanh toán cho bên cho vay. Hai bên không thoả thuận thời gian trả nợ trong hợp đồng mà chỉ thống nhất miệng là khi nào vợ chồng anh cần tiền sẽ báo cho vợ chồng

chị H1, anh G trước một tháng thì vợ chồng chị H1 anh G sẽ phải thanh toán đầy đủ cho vợ chồng anh H, chị N. Như vậy có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các Điều 463, 468 và 469 Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên toà anh Nguyễn Trạch H và chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn G, chị Trần Thị H1 trả lại cho mình số tiền gốc đã vay là 1.20.000.000 đồng và lãi 1,5%/tháng thời gian tính lãi từ tháng 10/2022 đến hết tháng 03/2024 thời gian là 17 tháng tổng số tiền lãi là 306.000.000đ. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án vợ chồng anh G và chị H1 vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã làm việc với bố mẹ đẻ anh G, chính quyền địa phương và tiến hành niêm yết cũng như đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng là B1, Đ và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự đầy đủ nội dung vụ án, văn bản tố tụng của Tòa án.

[3. 1] Xét khởi kiện của anh H và chị N yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh G, chị H1 trả lại cho mình số tiền gốc đã vay là 1.20.000.000 đồng thấy có căn cứ nên được chấp nhận.

[3. 2] Xét yêu cầu của anh H và chị N đề nghị Toà án buộc vợ chồng anh G, chị H1 phải thanh toán tiền lãi mức 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 0/2022 đến hết tháng 03/2024 thời gian là 17 tháng tổng số tiền lãi là 306.000.000đ. Thấy mức lãi mà anh chị yêu cầu thấp hơn so với hợp đồng nhưng hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội không vi phạm điều cấm của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H, chị N được chấp nhận vì vậy anh G, chị H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cụ thể: 800.000.000đ nộp 36.000.000đ và  $706.000.000đ \times 3\% = 21.180.000đ$ . Tổng cộng là 57.180.000đ (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Anh H, chị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trạch H và chị Trần Thị N cụ thể: Buộc vợ chồng anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 phải trả cho vợ chồng anh T, chị N tổng số tiền là 1.506.000.000 đồng (một tỷ năm trăm linh sáu triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 1.2000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 306.000.000 đồng (ba trăm linh sáu triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh H, chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn G và chị Trần Thị H1 phải nộp 57.180.000 đồng (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Trạch H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng theo Biên lai số 0001317 ngày 24/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh H, chị N; vắng mặt anh G chị H1. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Nghĩa Hồng.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**Trần Trọng Ích**

